

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2025/HNGĐ-ST**.

Ngày: 31/7/2025.

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tấn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa:
Không.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Dương Hoàng L**, sinh năm 1997; Địa chỉ cư trú: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ (nay là ấp K, xã P, thành phố Cần Thơ).

- Bị đơn: Chị **Lâm Thị Tú P**, sinh năm 2000; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ (nay là ấp T, phường V, tỉnh An Giang).

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Hoàng L trình bày:**

- Về hôn nhân: Năm 2014 anh Dương Hoàng L và chị Lâm Thị Tú P tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh và chị P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/09/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì anh và chị P bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mà chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không có tiếng nói chung nên anh và chị P thường xuyên cự cãi nhau, không khí gia đình ngày càng căng thẳng không giải quyết được, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng tình hình không thay đổi. Vì vậy cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nhau nên anh L làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị Lâm Thị Tú P.

- *Về con chung*: Anh Dương Hoàng L khai rằng anh và chị P có 01 người con chung tên Dương Hoàng H, sinh ngày 17/11/2015. Ly hôn, anh L đồng ý giao cháu Dương Hoàng H cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh L xác định trong quá trình chung sống với nhau, anh và chị P không có tài sản chung và nợ chung nên anh L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn chị Lâm Thị Tú P trình bày:***

Chị Lâm Thị Tú P thống nhất lời trình bày của anh Dương Hoàng L về quá trình anh chị đi đến hôn nhân; mâu thuẫn giữa chị và anh L là do tính tình không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau. Nay anh L yêu cầu ly hôn với chị thì chị P cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Chị và anh L có 01 người con chung tên Dương Hoàng H, sinh năm 2015, hiện cháu H đang do chị P nuôi dưỡng. Ly hôn, chị P đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Hoàng H cho đến tuổi thành niên và chị P không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị P xác định chị và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn anh Dương Hoàng L yêu cầu được ly hôn với chị Lâm Thị Tú P. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn chị Lâm Thị Tú P cư trú tại ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ (nay là ấp T, phường V, tỉnh An Giang) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Dương Hoàng L và bị đơn chị Lâm Thị Tú P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự HĐXX có cơ sở xác định: Vào năm 2014, anh Dương Hoàng L và chị Lâm Thị Tú P xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh L và chị P có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/09/2019. Như vậy, hôn nhân giữa anh L và chị P là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Sau thời gian về chung sống với nhau thì giữa anh L và chị P có phát sinh mâu thuẫn, mà theo lời trình bày của anh L và chị P thì mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không có tiếng nói chung nên anh L và chị P thường xuyên cự cãi nhau, không khí gia đình ngày càng căng thẳng không giải quyết được và đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng tình hình không thay đổi. Từ đó có thể thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa anh L và chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh L cương quyết ly hôn thì được chị P đồng ý. Do đó, căn cứ vào Điều 55 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; HĐXX thống nhất ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Hoàng L với chị Lâm Thị Tú P.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Anh L và chị P có 01 người con chung tên Dương Hoàng H, sinh năm 2015, hiện cháu H đang do chị P nuôi dưỡng. Ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H cho đến tuổi thành niên.

Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con của chị Lâm Thị Tú P là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; từ khi anh L và chị P sống ly thân với nhau cho đến nay thì cháu Dương Hoàng H đều được chị P nuôi dưỡng nên khi chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H thì được anh L đồng ý. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự nên cần thiết ghi nhận. Do đó, HĐXX thống nhất tiếp tục giao cháu Dương Hoàng H, sinh năm 2015 cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Dương Hoàng L với chị Lâm Thị Tú P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Anh L và chị P đều xác định anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì các đương sự được quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Dương Hoàng L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 BLTTDS năm 2015.

- Áp dụng các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Hoàng L với chị Lâm Thị Tú P.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của đương sự; giao cháu Dương Hoàng H, sinh năm 2015 cho chị Lâm Thị Tú P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị P nuôi con; anh L được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Dương Hoàng L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011288 ngày 02/06/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cũ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - An Giang). Như vậy, anh L không phải nộp thêm, chị P không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 4 - An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng Diệp

